| | |
|---|---|
| **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**<br>**TỈNH LÀO CAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 29/2023/NQ-HĐND | *Lào Cai, ngày 08 tháng 12 năm 2023* |

# NGHỊ QUYẾT
## Đặt tên đường, phố trên địa bàn thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**
**KHÓA XVI - KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;*

*Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phốvà công trình công cộng ban hành kèm theo Nghịđịnh số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;*

*Xét Tờ trình số 163/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc đặt tên, bãi bỏ tên, điều chỉnh độ dài đường, phố trên địa bàn thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số 298/BC-BVHXH ngày 05 tháng 12 năm 2023 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Đặt tên 07 đường, 101 phố trên địa bàn thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai**

*(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo)*

**Điều 2. Trách nhiệm và hiệu lực thi hành**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phân định ranh giới, gắn biển tên đường, phố và tuyên truyền để nhân dân hiểu ý nghĩa của các tuyến đường, phố được đặt tên theo Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện nghị quyết.

3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVI, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024.

4. Bãi bỏ Quyết định số 878/2005/QĐ - UBND ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về đặt tên đường, phố trên địa bàn thành phố Lào Cai./.

***Nơi nhận:***
- UBTV Quốc hội, Chính phủ;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Kiểm toán Nhà nước Khu vực VII;
- TT.TU, HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban TT Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các ban, sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: TU, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo, Đài PT-TH, Công báo, Cổng TTĐT tỉnh;
- Phòng Công tác HĐND;
- Lưu: VT, VHXH.

**CHỦ TỊCH**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

**Vũ Xuân Cường**

**Phụ lục**
**Đặt tên 07 đường, 101 phố trên địa bàn thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai**
*(Kèm theo Nghị quyết số: 29 /2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)*

| STT | Tên đường/phố | Giới hạn | | Quy mô | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | Điểm đầu | Điểm cuối | Chiều dài (m) | Chiều rộng (m) |
| **I** | **Tên đường** | | | | |
| 1 | Đường Lạc Long Quân | Giáp Khu kinh tế cửa khẩu (bờ kè Sông Hồng, tổ 26 phường Lào Cai) | Giao cắt với phố Phạm Văn Khả (tổ 25, phường Lào Cai) | 2.000 | 6 |
| 2 | Đường Trần Thái Tông | Giao cắt với đường Thủ Dầu Một (tổ 6, phường Duyên Hải) | Cầu Quang Kim giáp xã Quang Kim, huyện Bát Xát (tổ 1, phường Duyên Hải) | 3.270 | 10,5 |
| 3 | Đường Nguyễn Văn Linh | Ngã tư Bến Đá (số nhà 783 đường Hoàng Quốc Việt, tổ 17, phường Pom Hán) | Cầu Gia Phú - Bến Đền (thôn Hòa Lạc, xã Thống Nhất) | 9.200 | 14 |
| 4 | Đường Trần Phú | Cầu Kim Tân (tổ 1, phường Bắc Cường) | Cầu Chui Bắc Lệnh (tổ 11, phường Bắc Lệnh) | 5.600 | 15 |
| 5 | Đường Hoàng Quốc Việt | Cầu Chui Bắc Lệnh (tổ 11, phường Bắc Lệnh) | Ngã tư giao cắt với đường Quốc lộ 4E (Hoàng Quốc Việt) và phố Trần Văn Nở (tổ 17, phường Pom Hán) | 3.100 | 15 |
| 6 | Đường Thủ Dầu Một | Giao cắt với phố Hương Sơn và phố Khúc Thừa Dụ (tổ 6, phường Duyên Hải) | Giao cắt với phố Lương Khánh Thiện (tổ 8, phường Duyên Hải) | 2.030 | 15 |
| 7 | Đường Lê Thanh | Giao cắt với đầu đường Trần Phú ( tổ 1, phường Bắc Cường) | Giao cắt với đường Trần Phú (trụ sở Công an phường Nam Cường, tổ 6, phường Nam Cường) | 3.510 | 10-19 |
| **II** | **Tên phố** | | | | |
| **Phường Lào Cai** | | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Phố Tô Hiệu | Giao cắt với Quốc lộ 70 (Chi nhánh Công ty Hoàng Hợp, tổ 30) | Giao cắt với Quốc lộ 70 (tổ 30) | 450 | 5,5 |
| 2 | Phố Triệu Tiến Tiên | Giao cắt với đường T2 (phía Đông, tổ 30) | Giao cắt với đường T4 (phía Tây, tổ 30) | 160 | 5,5 |
| 3 | Phố Na Mo | Giao cắt đường T2 (phía Đông, giáp đường Quốc lộ 70, tổ 30) | Giao cắt với đường T4 (phía Tây, giáp đường Quốc lộ 70, tổ 30) | 155 | 5,5 |
| 4 | Phố Hà Chương | Giao cắt với phố Nguyễn Tri Phương (số nhà 080, tổ 1) | Giao cắt với phố Lê Khôi (số nhà 029, tổ 1) | 120 | 6 |
| 5 | Phố Phan Đình Giót | Giao cắt với đường Nguyễn Huệ (Khu đầu cầu Phố Mới, tổ 23) | Đường bờ kè sông Hồng (cửa hàng Kinh doanh xây dựng vật tư thiết bị, tổ 23) | 250 | 7,5 |
| 6 | Phố Hà Bổng | Giao cắt với phố Hợp Thành (Quảng trường ga, tổ 21) | Giao cắt với phố Ngô Văn Sở (tổ 21) | 250 | 3,5 |
| 7 | Phố Triệu Quang Phục | Ngã ba ngõ Khe Biên (tổ 2) | Giao cắt với đường Nguyễn Huệ (đối diện Địa điểm lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổ 3) | 600 | 7,5 |
| 8 | Phố Lê Thị Hồng Gấm | Giao cắt với phố Ngô Văn Sở (đối diện khu Trường THCS Ngô Văn Sở, tổ 17) | Giao cắt với phố Đinh Bộ Lĩnh (tổ 17) | 161 | 6 |
| 9 | Phố Đinh Công Tráng | Giao cắt với phố Nguyễn Tri Phương (số nhà 160, tổ 3) | Giao cắt với đường Nguyễn Huệ (tổ 8) | 110 | 6 |
| 10 | Phố Nguyễn Viết Xuân | Giao cắt với phố Ngô Văn Sở (tổ 20) | Giao cắt với phố Đinh Bộ Lĩnh (số nhà 018, tổ 20) | 145 | 6 |
| 11 | Phố Hồ Xuân Hương | Giao cắt với phố Ngô Văn Sở (số nhà 123, tổ 18) | Đường bờ kè sông Hồng (tổ 18) | 173 | 6 |
| 12 | Phố Tô Vĩnh Diện | Đường M18 (Tiểu công viên đầu cầu Phố Mới, tổ 24) | Đường bờ kè sông Hồng (tổ 25) | 287 | 6 |
| 13 | Phố Kim Hải | Giao cắt với phố Phan Đình Phùng (số nhà 015, tổ 18) | Giao cắt với phố Hợp Thành (số nhà 082, tổ 19) | 220 | 6 |
| 14 | Phố Lương Thế Vinh | Giao cắt với đường Nguyễn Huệ (cạnh trường THCS Ngô Văn Sở, tổ 17) | Giao cắt với phố Đinh Bộ Lĩnh (tổ 23) | 125 | 6 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 15 | Phố Tố Hữu | Giao cắt với phố Hoàng Diệu (giáp Cổng chào Khu Công nghiệp Đông Phố Mới, tổ 4) | Giao cắt đường T2 (tổ 4) | 430 | 6 |
| 16 | Phố Trần Khánh Dư | Giao cắt với phố Lê Khôi (Khu nhà Văn hóa Lê Khôi, tổ 1) | Giao cắt với phố Hà Chương (số nhà 019, tổ 1) | 128 | 6 |
| 17 | Phố Đặng Tiến Đông | Giao cắt với phố Lê Khôi (Khu nhà Văn hóa Lê Khôi, tổ 1) | Giao cắt với đường Nguyễn Huệ (đối diện Địa điểm lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh, tổ 1) | 60 | 6 |
| 18 | Phố Phùng Hưng | Ngã ba ngõ Khe Biên (tổ 2, phường Lào Cai) | Đường đi Phong Hải (cổng chào khu Công nghiệp) | 2.800 | 7,5-10,5 |
| **Phường Duyên Hải** | | | | | |
| 19 | Phố Trần Đại Nghĩa | Giao cắt với đường Điện Biên (Khu tiểu thủ công nghiệp, tổ 5, phường Duyên Hải) | Ngã ba giao cắt phố Trần Đăng (tổ 11, phường Cốc Lếu) | 1.550 | 7,5 |
| 20 | Phố Tô Hiến Thành | Giao cắt với phố Trần Quang Khải (Xưởng cơ khí Ngọc Dương, tổ 8, phường Duyên Hải) | Giao cắt với đường Điện Biên (Khu tiểu thủ công nghiệp, số nhà 121, tổ 16, phường Cốc Lếu) | 1.230 | 9 |
| 21 | Phố Hữu Nghị | Giao cắt với phố Hương Sơn (Khu thương mại Kim Thành, tổ 6) | Giao cắt với đường Duyên Hải (số nhà 194, tổ 7) | 1.440 | 10 |
| 22 | Phố Trần Thánh Tông | Giao cắt với Tỉnh lộ 156B (số nhà 001, tổ 4) | Hầm chui đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (tổ 4) | 420 | 5 |
| 23 | Phố Diên Hồng | Giao cắt với Tỉnh lộ 156B (Tiểu công viên Kim Thành, số nhà 001, tổ 2) | Giao cắt với Tỉnh lộ 156B (dưới cầu vượt đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai, số nhà 093, tổ 2) | 570 | 7 |
| 24 | Phố Hàn Thuyên | Giao cắt với Tỉnh lộ 156 mới (số nhà 001, tổ 2) | Công ty TNHH MTV Dầu nhớt Tuấn Tú (số nhà 047, tổ 2) | 260 | 7,5 |
| 25 | Phố Trần Quang Khải | Giao cắt với đường Duyên Hải (tổ 6, phường Duyên Hải) | Giao cắt với phố Nguyễn Đức Cảnh (tổ 1, phường Cốc Lếu) | 2.020 | 9 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| **Phường Cốc Lếu** | | | | | |
| 26 | Phố Sơn Tùng | Giao cắt với đường An Dương Vương (Bãi đỗ xe chợ Cốc Lếu, tổ 18) | Giao cắt với đường Hoàng Liên (Ngân hàng Viettinbank, tổ 17) | 280 | 7,5 |
| 27 | Phố Đặng Văn Ngữ | Giao cắt với đường Hoàng Liên (số nhà 022, tổ 23) | Giao cắt với phố Hoàng Hoa Thám (số nhà 038, tổ 22) | 250 | 6 |
| 28 | Phố Trần Đăng | Giao cắt với phố Nguyễn Khuyến (số nhà 054, tổ 8) | Giao cắt với đường Điện Biên (đối diện trường Tiểu học Nguyễn Bá Ngọc, tổ 10) | 410 | 6 |
| 29 | Phố Nguyễn Khuyến | Giao cắt với đường A3 (số nhà 479 Trần Đại Nghĩa, tổ 11) | Đối diện Trường Mầm non Duyên Sơn (tổ 7) | 620 | 6 |
| 30 | Phố Ngô Tất Tố | Giao cắt với đường Nhạc Sơn (số nhà 403, tổ 7) | Ngã ba giao cắt phố Trần Quốc Hoàn (tổ 7) | 105 | 6 |
| 31 | Phố Nguyễn Hiền | Ngã 3 giao cắt với phố Hoàng Văn Thụ (số nhà 124, tổ 26) | Giao cắt phố Đặng Trần Côn (cạnh trường Tiểu học Hoàng Văn Thụ, tổ 26) | 142 | 6 |
| 32 | Phố Ngô Thì Sĩ | Giao cắt với phố Trần Đăng Ninh (đối diện số nhà 088 Trần Đăng Ninh, tổ 33) | Giao cắt với phố Lê Quý Đôn (Trường Chính trị cũ, tổ 34) | 302 | 6 |
| 33 | Phố Nguyễn Minh Châu | Giao cắt với phố Trần Đăng Ninh và Ngô Thì Sĩ (tổ 36) | Giao cắt với đường 5B (tổ 36) | 614 | 6 |
| 34 | Phố Nguyễn Quý Đức | Giao cắt đường T2 (phía Đông, tổ 36) | Giao cắt đường T2 (phía Tây, tổ 36) | 342 | 6 |
| **Phường Kim Tân** | | | | | |
| 35 | Phố Hàm Nghi | Ngã 6, phường Kim Tân (tổ 12) | Ngã tư giao cắt đường Hoàng Liên (tổ 5) | 673 | 7,5 |
| 36 | Phố Phạm Ngọc Thạch | Giao cắt với phố Hàm Nghi (số nhà 103, tổ 7) | Giao cắt với phố Kim Hà (số 025, tổ 7) | 650 | 6-18 |
| 37 | Phố Bế Văn Đàn | Giao cắt với phố Phạm Ngọc Thạch (đầu chợ nông sản Kim Tân, tổ 7) | Giao cắt phố Đào Duy Từ (số nhà 025, tổ 7) | 90 | 6 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 38 | Phố Nguyễn Đình Chiểu | Giao cắt với phố Mường Than (số 114-116, tổ 12) | Giao cắt với phố Lý Công Uẩn (sau Cửa hàng Honda Tiến Thành, số 274, tổ 12) | 120 | 6 |
| 39 | Phố Bạch Thái Bưởi | Giao cắt với đường Nguyễn Huệ tại cửa hàng FPT shop (vòng xuyến ngã 6 Kim Tân, tổ 12) | Giao cắt với đường Nguyễn Huệ tại cửa hàng Điện Máy Xanh (vòng xuyến ngã 6 Kim Tân, tổ 31) | 350 | 7 |
| 40 | Phố Tráng A Pao | Giao cắt với đường An Dương Vương (tổ 34) | Giao cắt với đường Ngô Quyền (số nhà 439-441, tổ 34) | 113 | 20 |
| 41 | Phố Tân Trào | Giao cắt với đường An Dương Vương (số nhà 384, tổ 32) | Giao cắt với phố Lê Đại Hành (số nhà 071, tổ 30) | 350 | 7 |
| 42 | Phố Thành Công | Giao cắt với phố Lý Công Uẩn (phía Bắc, tổ 22) | Giao cắt với phố Lý Công Uẩn (phía Nam, tổ 22) | 275 | 4 |
| 43 | Phố Trường Sa | Giao cắt với phố Phạm Ngọc Thạch | Giao cắt với phố Hàm Nghi (số nhà 123A7) | 190 | 13,5 |
| 44 | Phố Hoàng Sa | Giao cắt với phố Phạm Ngọc Thạch (đối diện nhà chính chợ Kim Tân) | Giao cắt với phố Tân An (số nhà 001D Tân An đoạn kéo dài) | 95 | 7,5 |
| **Phường Bắc Cường** | | | | | |
| 45 | Phố Phú Thịnh | Giao cắt với đường An Dương Vương (tổ 26) | Giao cắt với đường Trần Phú (tổ 3) | 1.750 | 15-19 |
| 46 | Phố Vĩ Kim | Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo (tổ 14) | Giao cắt với đường Trần Phú (số nhà 397, tổ 14) | 613 | 17 |
| 47 | Phố Châu Úy | Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo (tổ 19) | Giao cắt với đường Trần Phú (số nhà 663, tổ 18) | 630 | 17 |
| 48 | Phố Ngô Minh Loan | Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo (tổ 10) | Giao cắt với đường Trần Phú (đầu cầu Kim Tân, tổ 1) | 542 | 12 |
| 49 | Phố Hoàng Trường Minh | Giao cắt với phố Ngô Minh Loan (số nhà 016, tổ 1) | Ngã tư Nguyễn Thị Định (số nhà 084, tổ 8) | 695 | 12 |
| 50 | Phố Kim Sơn | Giao cắt với Phố Ngô Minh Loan (số nhà 01A, tổ 10) | Giao cắt với phố Nguyễn Thị Định (số nhà 129, tổ 8) | 750 | 18 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 51 | Phố Cù Chính Lan | Giao cắt với phố Ngô Minh Loan (số nhà 111, tổ 6) | Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo (số nhà 026 Trung tâm mua sắm nội thất Hưng Tín, tổ 10) | 800 | 7 |
| 52 | Phố Trường Chinh | Giao cắt với phố Quách Văn Rạng (tổ 31) | Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo (tổ 31) | 647 | 13,5 |
| 53 | Phố Nguyễn Chánh | Giao cắt với đường F5 (tổ 31) | Giao cắt đường F2 (dự kiến đặt tên phố Trường Chinh, tổ 31) | 790 | 7,5 |
| 54 | Phố Thế Lữ | Giao cắt với đường F2 (dự kiến đặt tên đặt tên phố Trường Chinh, tổ 31) | Giao cắt với đường K6 (tổ 31) | 250 | 10,5 |
| 55 | Phố Bắc Tà | Giao cắt với đường N14 (phố Đặng Thai Mai, tổ 21) | Giao cắt với đường Võ Nguyên Giáp (tổ 25) | 245 | 9 |
| 56 | Phố Lê Văn Lương | Giao cắt với phố Nguyễn Thăng Bình (tổ 25) | Giao cắt đường N27 (tổ 21) | 700 | 6 |
| 57 | Phố Xuân Thủy | Giao cắt với phố An Lạc (Khu nhà văn hóa, tổ 25) | Giao cắt với đường N27 (tổ 25) | 438 | 6 |
| 58 | Phố Vũ Quỳnh | Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo (tổ 24) | Giao cắt với đường Võ Nguyên Giáp (tổ 24) | 201 | 9 |
| 59 | Phố Bích Đào | Giao cắt với đường T1 (dự kiến đặt tên phố Vũ Quỳnh, tổ 24) | Giao cắt với phố An Lạc (tổ 24) | 373 | 10,5 |
| 60 | Phố Bích Đào 1 | Giao cắt với đường T7 (dự kiến đặt tên phố Bích Đào, tổ 24) | Giao cắt với đường T8 (dự kiến đặt tên phố Đỗ Quyên, tổ 24) | 102 | 6 |
| 61 | Phố Bích Đào 2 | Giao cắt với đường T7 (dự kiến đặt tên phố Bích Đào, tổ 24) | Giao cắt với đường T8 (dự kiến đặt tên phố Đỗ Quyên, tổ 24) | 156 | 6 |
| 62 | Phố Đỗ Quyên | Giao cắt với đường T1 (dự kiến đặt tên phố Vũ Quỳnh, tổ 24) | Giao cắt với phố Bùi Đức Minh (tổ 23) | 291 | 10,5 |
| 63 | Phố Ban Mai | Giao cắt với đường T7 (dự kiến đặt tên phố Bích Đào, tổ 24) | Giao cắt với phố Bùi Đức Minh (tổ 24) | 308 | 10,5 |
| 64 | Phố Hoàng Lan | Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo (tổ 24) | Giao cắt với phố Bùi Đức Minh (tổ 24) | 278 | 6 |
| **Phường Nam Cường** | | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 65 | Phố Cốc Sa | Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo (Viện kiểm Sát tỉnh, tổ 6) | Giao cắt với đường D3 (Trần Phú, đối diện Cửa hàng xăng dầu Hoàng Liên, tổ 6) | 560 | 15 |
| 66 | Phố Lùng Thàng | Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo (tổ 5) | Giao cắt với đường D3 (Trần Phú, số nhà 891, tổ 5) | 555 | 15 |
| 67 | Phố Mỏ Sinh | Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo (Công ty Viettel, tổ 13) | Giao cắt với đường D3 (Trần Phú, tổ 13) | 470 | 17 |
| 68 | Phố 30 Tháng 4 | Giao cắt với đường Trần Kim Chiến (Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Lào Cai, tổ 15) | Giao cắt với phố Chiềng On (Trung tâm huấn luyện và Thi đấu TDTT tỉnh, tổ 15) | 1.680 | 20 |
| 69 | Phố Tùng Tung | Giao cắt với đường D3 (Trần Phú, tổ 12) | Đường D3 (Trần Phú tại Cầu Tùng Tung, tổ 14) | 750 | 9 |
| 70 | Phố Võ Thị Thắng | Giao cắt với phố Ý Lan (tổ 2) | Giao cắt đường Lê Thanh (tổ 2) | 322,6 | 5 |
| 71 | Phố Đinh Đức Thiện | Giao cắt với phố Lùng Thàng (tổ 5) | Trụ sở khối 6 (tổ 5) | 347 | 9,2 |
| **Phường Bình Minh** | | | | | |
| 72 | Phố Chiềng On | Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo (Trung tâm huấn luyện và Thi đấu TDTD tỉnh, tổ 2) | Giao cắt với đường Võ Nguyên Giáp (Bệnh viện đa khoa tỉnh, tổ 7) | 1.850 | 15 |
| **Phường Pom Hán** | | | | | |
| 73 | Phố Hoàng Sào | Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo (đối diện đường vào Chùa Cam Lộ, tổ 4) | Giao cắt với đường Hoàng Quốc Việt (số nhà 497, tổ 21) | 1.180 | 12 |
| 74 | Phố Cầu Gồ | Giao cắt với đường Hoàng Quốc Việt, tại Chi nhánh khai thác 1 Công ty Apatit (tổ 17) | Giao cắt với phố Nguyễn Đình Thi (tổ 16) | 875 | 6 |
| 75 | Phố Võ Văn Tần | Nhà thi đấu Công ty Apatit (tổ 5) | Giao cắt với phố Tân Tiến (số nhà 072, tổ 6) | 284 | 6 |
| 76 | Phố Hà Đặc | Giao cắt với đường Hoàng Quốc Việt (số nhà 948, tổ 17) | Ngã ba Cầu Gồ (số nhà 065, tổ 12) | 422 | 6 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 77 | Phố Tô Vũ | Giao cắt với đường Hoàng Quốc Việt (số nhà 980, tổ 17) | Đội Phòng cháy chữa cháy & PNCH (tổ 17) | 55 | 6 |
| 78 | Phố Hoàng Đức Chử | Giao cắt với đường Hoàng Quốc Việt (số nhà 1018, tổ 17) | Nhà hàng Sao Phương Bắc (tổ 11) | 310 | 6 |
| 79 | Phố Giàn Than | Giao cắt với phố Hoàng Sào (số nhà 151, tổ 2) | Giao cắt với đường Hoàng Quốc Việt tại Cây xăng Apatit (tổ 1) | 500 | 3,5 |
| 80 | Phố Lưu Quang Vũ | Giao cắt với phố Nguyễn Duy Trinh (số nhà 042, tổ 19) | Giao cắt với phố Trần Hữu Tước (số nhà 069, tổ 19) | 120 | 6 |
| 81 | Phố Xuân Quỳnh | Giao cắt với phố Nguyễn Duy Trinh (số nhà 003, tổ 19) | Giao cắt với phố Trần Hữu Tước (số nhà 068, tổ 19) | 60 | 5 |
| 82 | Phố Lê Đức Thọ | Giao cắt với Đại lộ Trần Hưng Đạo (tổ 20) | Giao cắt với đường A22 (dự kiến đặt tên phố Đào Duy Kỳ, Khu đô thị Kosy, tổ 20) | 430 | 33 |
| 83 | Phố Võ Chí Công | Giao cắt với đường A7 (tổ 20) | Giao cắt với đường A6A (Khu đô thị Kosy, tổ 20) | 1.160 | 33 |
| 84 | Phố Lê Quang Đạo | Giao cắt với đường A7 (tổ 20) | Giao cắt với đường A6A (Khu đô thị Kosy, tổ 20) | 1.130 | 12 |
| 85 | Phố Hoàng Minh Giám | Giao cắt với đường A3 (dự kiến đặt tên phố Lê Quang Đạo, tổ 20) | Giao cắt với đường A6A (Khu đô thị Kosy, tổ 20) | 1.010 | 13, 5 |
| 86 | Phố Hà Huy Giáp | Giao cắt với đường A7 (tổ 20) | Giao cắt với đường A6A (Khu đô thị Kosy, tổ 20) | 1.050 | 12 |
| 87 | Phố Trần Văn Giàu | Giao cắt với đường A7 (tổ 20) | Giao cắt với đường A11 (Khu đô thị Kosy, tổ 20) | 935 | 17,5 |
| 88 | Phố Đào Duy Kỳ | Ngã ba giao cắt với A7 (tổ 20) | Giao cắt với đường A11 (Khu đô thị Kosy, tổ 20) | 925 | 22 |
| **Xã Vạn Hòa** | | | | | |
| 89 | Phố Khánh Yên | Giao cắt với ngã 3 đường Nguyễn Huệ (Siêu thị 263, tổ 14, phường Lào Cai) | Giao cắt với phố Đinh Bộ Lĩnh (số nhà 978, thôn Hồng Hà, xã Vạn Hòa) | 630 | 9 |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 90 | Phố Phạm Văn Xảo | Ngã ba giao cắt phố Phạm Văn Khả (số nhà 001, giáp đường bờ kè bờ sông Hồng, thôn Sơn Mãn 3) | Đường cắt ngang nối với Đinh Bộ Lĩnh với đường kè sông Hồng (số nhà 050, thôn Sơn Mãn 3) | 585 | 6 |
| 91 | Phố Lương Định Của | Giao cắt với phố Đinh Bộ Lĩnh (số nhà 002, Nhà Văn hóa Sơn Mãn 1, thôn Sơn Mãn 2) | Ngã năm (Khu nhà thờ, thôn Sơn Mãn 2) | 485 | 6 |
| 92 | Phố Hưng Thịnh | Giao cắt với phố Phạm Văn Khả (số nhà 001, thôn Hồng Hà) | Giao cắt với phố Khánh Yên (số nhà 032, thôn Hồng Hà) | 200 | 5 |
| 93 | Phố Hồng Giang | Giao cắt với phố Phạm Văn Khả (số nhà 010, thôn Hồng Giang) | Giao cắt với phố Phạm Văn Xảo (số nhà 047, thôn Hồng Giang) | 220 | 6 |
| 94 | Phố Hồng Sơn | Giao cắt với phố Khánh Yên (số nhà 002, thôn Hồng Sơn) | Giao cắt với phố Phạm Văn Xảo (số nhà 150, thôn Hồng Sơn) | 250 | 6 |
| 95 | Phố Bình Than | Giao cắt với phố Khánh Yên (số nhà 001, thôn Hồng Hà) | Giao cắt với phố Đinh Bộ Lĩnh (số nhà 014, thôn Hồng Hà) | 75 | 6 |
| **Xã Đồng Tuyển** | | | | | |
| 96 | Phố Củm Thượng | Ngã ba giao cắt với đường N1 (phía Bắc, Khu tái định cư, thôn Củm Thượng 1) | Ngã ba giao cắt với đường N1 (phía Nam, Khu tái định cư, thôn Củm Thượng 1) | 746 | 6 |
| 97 | Phố Lạc Việt | Ngã ba giao cắt với đường DT2 phía Bắc (dự kiến đặt tên phố Vạn Xuân, Khu tái định cư, thôn Củm Hạ 1) | Ngã ba giao cắt với đường DT2 phía Nam (dự kiến đặt tên phố Vạn Xuân, Khu tái định cư, thôn Củm Hạ 1) | 510 | 9 |
| 98 | Phố Vạn Xuân | Ngã ba giao cắt với đường DT1 (dự kiến đặt tên phố Lạc Việt, phía Bắc, thôn Củm Hạ 1) | Ngã ba giao cắt với đường DT1 (dự kiến đặt tên phố Lạc Việt, phía Nam, thôn Củm Hạ 1) | 556 | 9 |
| **Xã Cam Đường** | | | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 99 | Phố Suối Ngàn | Cầu Làng Nhớn (dọc theo bờ suối, thôn Suối Ngàn) | Giao cắt với đường N7 (thôn Suối Ngàn) | 800 | 6 |
| 100 | Phố Văn Hiến | Giao cắt với đường D1 (thôn Suối Ngàn) | Giao cắt với đường D2 (dự kiến đặt tên phố Suối Ngàn, thôn Suối Ngàn) | 600 | 5 |
| 101 | Phố Liên Hợp | Giao cắt với đường D2 (dự kiến đặt tên phố Suối Ngàn, đối diện tiểu công viên, thôn Suối Ngàn) | Giao cắt với đường N7 (thôn Suối Ngàn) | 500 | 5 |